TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG** Bản án số: 101/2026/HNGĐ - ST Ngày: 06 - 5 - 2026 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thảo.

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh ngày 02/8/1960; căn cước công dân số: 030160006869; Nơi cư trú: Số F V, phường T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh T, sinh ngày 05/02/1962; căn cước công dân số: 030062005937; Nơi thường trú: Số F V, phường T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: Tổ B, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V và ông T vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Hoàng Thị V trình bày: Bà và ông Đặng Thanh T yêu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1982. Được UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/1982. Sau ngày cưới, hai vợ

chồng bà sống cùng nhau tại xã N, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được với nhau khoảng hơn 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông T sống không chung thủy với bà, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Gia đình cùng các con cũng nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng hai vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Từ đầu năm 2023 cho đến nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người đó làm. Nay xét thấy không còn tình cảm gì với ông T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Đặng Tiến T1, sinh năm 1985 và Đặng Việt H, sinh năm 1994. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành, tự lo được cho cuộc sống nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn là ông Đặng Thanh T trình bày: Về thời điểm kết hôn, chung sống giữa ông và bà Hoàng Thị V đúng như bà V đã trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, nên dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Gia đình cùng các con cũng nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng hai vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Từ đầu năm 2023 cho đến nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người đó làm, ông và bà V sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, đến khoảng đầu tháng 2 năm 2026 ông có vào chơi với người thân tại tổ B, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai và có nhờ người thân xin được công việc làm tại tỉnh Đồng Nai cho đến hiện nay, chỉ thỉnh thoảng gia đình có việc ông mới về quê. Nay bà V khởi kiện xin ly hôn với ông, quan điểm của ông là nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của bà V, vì ông bà ly thân nhau đã lâu, không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con như bà V trình bày là đúng. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành, tự lo được cho cuộc sống nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông xác định ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên do ông đang ở xa và không tiện cho việc đi lại nên ông không thể có mặt theo

yêu cầu của Tòa án. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bà V và ông T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị V, đề nghị xử cho bà Hoàng Thị V được ly hôn ông Đặng Thanh T; về quan hệ con chung, tài sản chung, công sức, nợ: không đặt ra giải quyết; về án phí: Bà V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà V đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị V khởi kiện xin ly hôn ông Đặng Thanh T. Tại thời điểm thụ lý ông T có nơi cư trú tại phường T, thành phố Hải Phòng, ngày 18/3/2026 ông T mới đăng ký tạm trú tại phường B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị V và ông Đặng Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông T, bà V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chưa thực sự hiểu nhau nên từ đó phát sinh va chạm, cãi vã. Bà V cho rằng mâu thuẫn là do ông T sống không chung thủy với bà, có quan hệ

ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đến nay, cả ông T và bà V đều xác định vợ chồng sống ly thân nhau từ lâu, không còn tình cảm với nhau nữa, bà V khởi kiện xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Thực tế này cho thấy đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt, quan hệ hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã trầm trọng**,** đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà V, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà V là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (hôn nhân gia đình).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V. Xử cho bà Hoàng Thị V ly hôn ông Đặng Thanh T.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) cho bà Hoàng Thị V.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Sơn (nay là phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng) để ghi vào sổ hộ tịch (GCNKH số 38/1982);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh